

Số: **82/2022/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 04 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2022/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Đoàn Đức T, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 12 đường N, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 12 đường N, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 10/10/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế. Sau khi kết hôn, ông T và bà H chung sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mục đích hôn nhân không đạt, nên ông T và bà H tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T và bà H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Đức Quốc K, sinh ngày 31/8/2002 và Đoàn Đức Quốc B, sinh ngày 06/11/2004. Hai bên thỏa thuận giao cháu Đoàn Đức Quốc B cho bà Nguyễn Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Đoàn Đức Quốc K đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đoàn Đức T tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông T, bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000892 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 24 tháng 02 năm 2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Đức Quốc B cho bà Nguyễn Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Đoàn Đức Quốc K đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đoàn Đức Thái tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà Hằng không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông T, bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000892 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông Đoàn Đức T và bà Nguyễn Thị Bích H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP Huế;
- UBND phường Đ, Tp Huế
- (ĐKKH số 93 ngày 10/10/2001)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế